TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DSPT
Ngày: 26/5/2020
V/v: "Tr/c *quyền sử dụng đất* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

2/ Bà Trương Thị Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** Cô Trần Thị Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2019/TLPT-DS ngày 27/12/2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐPT-DS ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ cư trú: Ấp V.T, xã V.B, huyện V.T, thành phố Cần Thơ;

2. *Bị đơn :* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1957

Địa chỉ cư trú: Ấp V.P, xã V.T, huyện V.T, thành phố Cần Thơ;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1957;

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983;

3.3. Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1985;

3.4. Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1982;

3.5. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1985;

3.6. Ông Nguyễn Huy T, sinh năm: 1987;

3.7. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V.P, xã V.T, huyện V.T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, bà L, ông B, ông Nhựt T, ông Duy T, ông Huy T, ông Thành T: Ông Nguyễn Văn N (theo 02 văn bản ủy quyền cùng ngày 02/11/2018 và văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019).

3.8. Bà Lê Thị Thu D, sinh năm: 1957;

3.9. Ông Đặng Phước T, sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V.T, xã V.B, huyện V.T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D và ông T: Ông Đặng Văn T (theo các văn bản ủy quyền ngày 13/11/2018 và 07/6/2019)

3.10. Ủy ban nhân dân huyện V.T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ.

Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày như sau:

Nguồn gốc các thửa đất số 115 và 953 tọa lạc ấp V.P, xã V.T, huyện V.T, thành phố Cần Thơ là do ông chuyển nhượng lại của người khác; khi nhận chuyển nhượng không đo đạc lại nhưng khi ông tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất có đo đạc thực tế và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000496 cấp ngày 14/7/1997 do ông đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận. Theo đó, thửa 115 có diện tích 4000 m2 (loại đất 2L); thửa đất số 953 có 1840 m2 (loại đất LNK) và 300 m2 (T)

Giữa các thửa đất trên với các thửa đất liền kề từ trước đến nay không có cắm trụ đá nhưng có bờ ven để làm ranh giới, nhưng hiện nay bờ ven không còn. Quá trình sử dụng ông N đã lấn chiếm sang phần đất của ông diện tích theo đo đạc thực tế là 116,4 m2. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất lấn chiếm và yêu cầu bồi thường thiệt hại do đất bị lấn chiếm nên không canh tác được, bị mất khoản tiền thu nhập cụ thể: diện tích đất 116, 4 m2 thu hoạch hàng năm được 200 kg lúa, giá bình quân 5.000 đồng/kg, thu được số tiền 1.000.000đồng/ năm, ông N chiếm đất từ năm 1997 đến nay là 20 năm, mất khoản tiền do không canh tác đất là 20.000.000đồng nhưng ông chỉ yêu cầu số tiền 10.000.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Ông đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00339 cấp ngày 04/8/2003 gồm các thửa: đất số 116 diện tích 460 m2 (LNK) và

1838m2 (2L); thửa đất số 954 diện tích 300 m2 (T). Giữa các thửa đất từ trước đến nay không cắm trụ đá là ranh nhưng có bờ ven và hiện nay bờ ven chỉ còn một đoạn, rất nhỏ.

Quá trình sử dụng đất ông không lấn chiếm đất của ông Tvà theo Bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ thể hiện thì thực tế diện tích đất ông đang sử dụng tại các thửa đất 116 và 954 vẫn còn thiếu so với diện tích đã được cấp theo giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tốt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đặng Thị Đ và anh Nguyễn Nhựt T thống nhất với lời trình bày của ông N, không đồng ý trả lại đất và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn do không lấn chiếm đất.

Bà Lê Thị Thu D, anh Đặng Phước T thống nhất với lời trình bày của ông T.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V.T, thành phố Cần Thơ - ông Nguyễn Văn Đ có ý kiến trình bày:

Thửa đất số 115, diện tích 4000 m2 (2L) và thửa đất số 953, diện tích 2148 m2 (T) do ông Đặng Văn T kê khai đăng ký trên sổ Mục kê đất đai lập năm 1989 – 1990. Được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho ông Đặng Văn T. Năm 1997, hộ ông Tcó đơn xin đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất nói trên. Sau đó, được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000496 ngày 14/7/1997 cho hộ ông Đặng Văn T, khi cấp giấy không đo đạc thực tế. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho hộ ông Đặng Văn T là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Thửa đất số 116, diện tích 1838 m2 (2L) và thửa đất số 954, diện tích 760 m2(T) do ông Nguyễn Văn N kê khai đăng ký trên sổ mục kê đất đai lập năm 1989– 1990. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm kê khai đăng ký trên sổ mục kê. Năm 2003, hộ ông Nguyễn Văn N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa đất trên. Sau đó, được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00339 ngày 04/8/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn N, khi cấp giấy không đo đạc thực tế. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ ông Nguyễn Văn N là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 39/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.T, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" đối với diện tích đất là 116,4 m2, tờ bản đồ số 06, thửa số 115 và 953 tại ấp V.P, xã V.T, huyện V.T, thành phố Cần Thơ và "*Yêu cầu bồi thường hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*" đối với ông Nguyễn Văn N cụ thể:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với diện tích đất 116,4 m2, tờ bản đồ số 06, thuộc thửa đất số 115

và 953 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000496 cấp ngày 14/7/1997 do ông Đặng Văn T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp V.P, xã V.T, huyện V.T, thành phố Cần Thơ đối với ông Nguyễn Văn N.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đối với ông Nguyễn Văn N.

(Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định, Biên bản định giá ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá và Bản trích đo địa chính số: 14/TTKTTNMT ngày 08/5/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, để xác định vị trí, kích thước, diện tích phần đất tranh chấp bị bác yêu cầu, cũng như tài sản có trên đất tranh chấp)

1. Về án phí và chi phí định giá, lệ phí bản vẽ địa chính:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn T phải chịu 800.000đồng *(Tám trăm nghìn đồng)* nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai thu số 009844 ngày 11/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.T, thành phố Cần Thơ, ông T được nhận lại tiền án phí còn thừa là 275.000đồng

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm còn quyết định về tiền tạm ứng án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 05/10/2019, nguyên đơn ông Đặng Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến các đương sự như sau:

- Ông Đặng Văn T rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hai ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm. Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn N, Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm buộc ông N có trách nhiệm trả cho ông diện tích đất đang tranh chấp là 116,4m^2 . Ông T cho rằng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ông N và chiều ngang đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 52m nhưng thực tế ông đang sử dụng nếu tính luôn cả chiều ngang phần đất đang tranh chấp thì vẫn còn thiếu 6 phân (6cm).

- Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông không lấn đất của ông T, diện tích đất ông T đang tranh chấp ông sử dụng từ trước đến nay, nếu tính cả diện tích đất tranh chấp thực tế ông đang sử dụng vẫn còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên ông không chấp nhận theo yêu cầu của ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Ông Đặng Văn T và ông Nguyễn Văn N đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự với Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 08/5/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thì cả ông T và ông N đều đang sử dụng diện tích đất thiếu so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận. Ông T xác định chiều ngang đất của ông (mặt giáp lộ mới) là 52m, nhưng qua đo đạc thực tế chiều ngang đất ông T đang sử dụng (mặt giáp lộ mới) là 52,17m. Như vậy nêu chưa tính chiều ngang của phần đất đang tranh chấp ông T đã sử dụng thừa 0,17m. Vì vậy ông T cho rằng ông N lấn đất của ông là chưa có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định rút yêu cầu kháng cáo đối với phần đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm nên đề nghị không xem xét lại.

Ông T đã hơn 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí nên đề nghị xem xét miễn án phí cho ông Tốt.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ y Bản án dân sự sơ thẩm về nội dung, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày 07/9/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/10/2018 nguyên đơn ông Đặng Văn T cho rằng quá trình sử dụng đất bị đơn ông Nguyễn Văn N đã lấn chiếm sang đất của ông nên có yêu cầu đòi lại và yêu cầu bồi thường thiệt hại do không sử dung phần đất bị đơn đã lấn chiếm trong thời gian dài với số tiền 10.000.000đồng. Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hện pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" là có căn cứ.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo,Viện kiểm sát không có kháng nghị.

[3] Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn ông Đặng Văn T được quyền sử dụng các thửa đất số 115 và 953 tở bản đồ số 6 với tổng diện tích đất 6148m^2 thể hiện qua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000496 do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày 14/7/1997. Bị đơn ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng các thửa đất 954 và 116, tờ bản đồ số 06 với tổng diện tích 2598m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000339 do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày 04/8/2003. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bị đơn đều được Ủy ban nhân dân huyện V.T xác định đúng đối tượng và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và khi cấp không tiến hành đo đạc thực tế.

[3.2] Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2019, phía nguyên đơn và bị đơn đều có mặt và ký

vào biên bản. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện quan Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 08/5/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ; theo đó, tổng diện tích thửa 115 và 953 nguyên đơn đang sử dụng là 5845,9m^2, tổng diện tích thửa 116 và 954 hiện bị đơn đang sử dụng là 2.366,9m^2, đồng thời bị đơn còn đang sử dụng diện tích đất tranh chấp (thể hiện tại vị trí A) là 116,4m^2.

[3.4] Đối chiếu diện tích đất của nguyên đơn, bị đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp với diện tích đất nguyên đơn, bị đơn đang sử dụng thể hiện qua Bản trích đo địa chính nêu trên cho thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều đang sử dụng diện tích đất thiếu so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận. Cụ thể, nguyên đơn hiện đang sử dụng thiếu 302,1m^2 (6148m^2 – 5845,9m^2 = 302,1m^2); nếu tính cả diện tích tranh chấp bị đơn đang sử dụng thiếu 114,7m^2 [2598m^2 – (2366,9m^2 + 116,4m^2) = 114,7m^2].

[3.5] Nguyên đơn còn trình bày chiều ngang đất của nguyên đơn là 52m, quá trình sử dụng bị đơn đã lấn đất của nguyên đơn 0,94m theo chiều ngang, nếu tính cả phần đất bị đơn lấn chiếm thì chiều ngang đất của nguyên đơn vẫn còn thiếu 06 phân (6cm); chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là "giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng" ngày 15/4/1990 và biên bản thẩm tra xác minh ngày 10/7/1997. Để xác định bị đơn có lấn chiếm đất như nguyên đơn đã trình bày hay không, cần thiết xem xét lại các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đối chiếu với hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn thể hiện qua Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 08/5/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Thấy rằng: Nguyên đơn được Chi cục quản lý đất đai tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp "giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng" tại hai thửa 115 và 953 vào ngày 15/4/1990 kèm theo giấy chứng nhận có thể hiện vị trí các thửa đất theo đó cạnh giáp với lộ mới của thửa 935 có chiều dài 52m. Đến năm 1997 trên cơ sở "đơn xin xác định đúng với diện tích sử dụng đất thổ" của nguyên đơn, cơ quan có thẩm quyền đã lập biên bản thẩm tra xác minh ngày 10/7/1997, theo sơ đồ hiện trạng ranh giới thể hiện trong biên bản thì chiều ngang đất của nguyên đơn (tiếp giáp với lộ mới và kinh thủy lợi) vẫn là 52m. Nhưng qua thẩm định tại chỗ (thể hiện qua Bản trích đo địa chính) thì chưa tính phần đất tranh chấp chiều ngang đất nguyên đơn đang sử dụng là 52,17m (nhiều hơn 0,17m). Nên chưa có căn cứ cho rằng bị đơn đã lấn đất của nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích trên, chưa có cơ sở để xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 116,4m^2 (thể hiện ở vị trí A trong Bản Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 08/5/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ) thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả lại diện tích đất này là có căn cứ.

[5] Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một phần kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét lại phần này.

[6] Nguyên đơn ông Đặng Văn T, sinh năm 1955; theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì nguyên đơn thuộc trường hợp được miền tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn chưa cung cấp đủ hồ sơ đề nghị được miễn giảm nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Ở giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn đã bổ sung đầy đủ hồ sơ theo quy định nên xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Xét đề nghị của Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với đánh giá của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 và 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 175, 176, 221, 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 166 và 170 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn T, giữ y Bản án sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.T về nội dung, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" đối với diện tích đất là 116,4 m^2, tờ bản đồ số 06 và "*Yêu cầu bồi thường hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*" đối với ông Nguyễn Văn N cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T đối với ông Nguyễn Văn N về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 116,4 m^2, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp V.T, xã V.T, huyện V.T, thành phố Cần Thơ (thể hiện ở vị trí A theo Bản Bản trích đo địa chính số 14/TTKTTNMT ngày 08/5/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ – Bản trích đo có kèm theo Bản án)

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm" số tiền là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) đối với ông Nguyễn Văn N.

2. Về chi phí định giá và lệ phí bản vẽ địa chính: Ông Đặng Văn T phải chịu 5.933.000đồng. Công nhận ông T đã nộp và chi xong.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn ông Đặng Văn T. Hoàn lại cho ông Ttiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo các biên lai thu của Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh, cụ thể:

- Biên lai thu số 009844 ngày 11/9/2018, số tiền 1.075.000đồng (một triệu

không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Bên lai thu số 001700 ngày 11/6/2019, số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng);

- Biên lai thu số 008271 ngày 15/8/2019, số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng);

- Biên lai thu số 008359 ngày 08/10/2019, số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND huyện V.T;
- Chi cục THA.DS Huyện V.T;
- Lưu (2b).

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND H.Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA.DS H.Vĩnh Thạnh;
- Lưu (2b).

Huỳnh Thị Bích Vân